

Bản án số: 1886/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 29/10/2021
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN
NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kim Mỹ.
2. Bà Nguyễn Thị Chi.

T ký Tòa án: Bà Phạm Thị Minh Huệ - T ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 736/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4453/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Bà Nguyễn Quốc Anh T - sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Địa chỉ Thường trú: K32/8 T, phường T, quận H, Thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ liên hệ: 107A-B N, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đồng Minh T1- sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ cuối cùng trước khi mất tích : 1073 đường Nguyễn Thị Đ, phường C, quận 2 cũ (nay là Thành phố T) , Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- bà Nguyễn Quốc Anh T trình bày:

Bà Nguyễn Quốc Anh T và ông Đồng Minh T1 sống chung từ năm 2017,

có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2017 ngày 18/1/2017 tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T và ông T1 có một người con chung tên Đồng Nguyễn Gia N, sinh ngày 03/2/2017. Sau khi kết hôn một vài tháng, đến tháng 3/2017 ông T1 đã bỏ nhà đi biệt tích không liên lạc với gia đình, người thân. Bà T đã tìm đủ mọi biện pháp để liên lạc với ông T1 nhưng không được. Vì thế bà T đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T1 mất tích. Ngày 08/3/2021, Tòa án nhân dân thành phố T đã ra Quyết định số 285/2021/QĐDS- ST tuyên bố ông Đồng Minh T1 mất tích. Do thời gian xa cách đã lâu, tình cảm không còn và hiện nay ông T1 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên bà T xin được ly hôn với ông T1

Về con chung: Bà T đề nghị trực tiếp nuôi con chung là Đồng Nguyễn Gia N, sinh ngày 03/2/2017 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T và ông T1 không có tài sản chung.

Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đăng phát thông báo giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì của ông T1. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi Nêu cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà T, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã đăng phát thông báo giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai cho ông Đồng Minh T1 nhưng ông T1 vắng mặt. Xét thấy việc ông T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Đồng Văn T1 theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Quốc Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Trong vụ án này, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Quốc Anh T và ông Đồng Minh T1 chung sống từ năm 2017, có đăng ký kết hôn đúng quy định nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Theo bà T thì nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì ông T1 đã bỏ nhà đi. Thời gian đã lâu đến nay không còn tình cảm, không thể hàn gắn và ông T1 đã mất tích nên bà T yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T1. Xét thấy, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà T, mục đích hôn nhân không đạt được, và ông T1 hiện nay đã mất tích theo Quyết định số 285/2021/QĐST-DS ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Quốc Anh T được ly hôn với ông Đồng Minh T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà T có yêu cầu được nuôi người con chung là Đồng Nguyễn Gia N, sinh ngày 03/2/2017. Xét thấy, hiện nay ông T1 đã mất tích, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T khai bà và ông T1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định bà và ông T1 không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Quốc Anh T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Quốc Anh T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Quốc Anh T được ly hôn với ông Đồng Minh T1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2017 ngày 18/1/2017 của Ủy ban nhân dân phường C, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

Giao con chung tên Đồng Nguyễn Gia N, sinh ngày 03/2/2017 cho bà Nguyễn Quốc Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Quốc Anh T khai không có.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Quốc Anh T xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Quốc Anh T chịu án phí dân sự sơ

thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: AA/2018/0028614 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Noinhận:

- TANDTP-VKSNDTP;
- VSKND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THA Dân sự Tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga

